



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
NĂM 2018



Tháng 02 năm 2019

MỤC LỤC

I. THÔNG TIN CHUNG.....	3
1. Thông tin khái quát	3
2. Quá trình hình thành và phát triển.....	3
3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.....	4
4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.....	6
5. Định hướng phát triển.....	8
6. Các rủi ro.....	9
7. Những lợi thế cạnh tranh nổi bật của SAFOCO so với các doanh nghiệp khác trong ngành.....	9
II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.....	10
1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.....	10
2. Tổ chức và nhân sự.....	12
3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.....	14
4. Tình hình tài chính.....	14
5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.....	15
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.....	17
III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	19
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:.....	19
2. Tình hình tài chính.....	20
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý.....	21
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai.....	22
5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty....	22
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	23
1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty.....	23
2. Đánh giá của HĐQT về mức độ hiệu quả Ban Tổng Giám đốc.....	23
3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị.....	24
V. QUẢN TRỊ CÔNG TY.....	25
1. Hội đồng quản trị.....	25
2. Ban Kiểm soát.....	26
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát.....	28
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	31
1. Ý kiến kiểm toán.....	31
2. Báo cáo tài chính được kiểm toán.....	32

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN LƯƠNG THỰC THỰC PHẨM SAFOCO
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0303752249 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp.HCM cấp ĐKDN lần đầu ngày 14/4/2005, thay đổi lần thứ 12 ngày 21/6/2016.
- Vốn điều lệ : 79.181.540.000 đồng;
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (31/12/2018): 126.753.887.450 đồng
- Địa chỉ: 1079 Phạm Văn Đồng, KP1, P. Linh Tây, Q.Thủ Đức, TP.HCM
- Số điện thoại : 84-28 37245264
- Số fax : 84-28 37245263
- Website : www.safocofood.com
- Email : safoco@hcm.vnn.vn
- Mã cổ phiếu : SAF

2. Quá trình hình thành và phát triển

a) Quá trình thành lập

- Công ty Cổ phần Lương thực Thực phẩm SAFOCO tiền thân là Cửa hàng Lương thực Thực phẩm Số 4 được thành lập năm 1995 theo Quyết định số 224/STM-QĐ ngày 29/4/1995 của Sở Thương mại Tp.HCM, là đơn vị kinh tế hạch toán phụ thuộc và chịu sự quản lý trực tiếp của Công ty Lương thực Tp.Hồ Chí Minh;

- ă ăm 1999, Cửa hàng được đổi tên thành Xí nghiệp Lương thực Thực phẩm SAFOCO theo Quyết định số 033/QĐ-HĐQT ngày 10/5/1999 của Tổng Công ty Lương thực Miền ă am;

- ă ăm 2004, Xí nghiệp đã tiến hành cổ phần hóa và chuyển hình thức doanh nghiệp ă hà nước thành công ty cổ phần theo Quyết định số 4451/QĐ/Bă ă -TCCB ngày 09/12/2004 của Bộ trưởng Bộ ă ồng nghiệp và Phát triển ă ồng thôn;

- ă ăm 2005, Xí nghiệp chính thức chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần kể từ ngày 01/5/2005 theo Giấy phép kinh doanh số 4103003305 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tp Hồ Chí Minh cấp ngày 14/4/2005 với vốn điều lệ là 22.000.000.000 đồng (Hai mươi hai tỷ đồng), trong đó ă hà nước nắm giữ 51,29%.

b) Thời điểm niêm yết

- ă ày 28/12/2006, chính thức giao dịch 2.706.000 cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Tp.Hồ Chí Minh với mã chứng khoán là SAF, theo Giấy phép niêm yết số 95/UBCK-GPă Y do Ủy Ban Chứng khoán ă hà nước cấp ngày 05/12/2006;

- ă ày 08/6/2009, chính thức giao dịch 2.706.000 cổ phiếu tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà ă ội, theo Quyết định số 215/QĐ-TTGDHă ă ngày 26/5/2009 của Sở Giao dịch chứng khoán Hà ă ội.

c) Quá trình tăng vốn điều lệ

Năm tăng	Hình thức tăng vốn	Số vốn tăng thêm	Vốn điều lệ sau khi tăng
2005			22.000.000.000
2006	Phát hành thêm cổ phiếu	5.060.000.000	27.060.000.000
2010	Trả cổ tức bằng cổ phiếu	3.246.720.000	30.306.720.000
2011	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	15.151.050.000	45.457.770.000
2014	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	13.634.850.000	59.092.620.000
2016	Trả cổ tức bằng cổ phiếu và phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu	20.088.920.000	79.181.540.000

d) Các thành tích đạt được:

Công ty vinh dự được ả hà nước tặng thưởng:

- Huân chương lao động: hạng III (năm 1991), hạng II (năm 1998), hạng I (năm 2005).
- Huân chương Độc lập: hạng III (năm 2009).
- 13 năm nhận được Cờ thi đua xuất sắc của Chính phủ.
- Giải thưởng “Bông lúa vàng” của Bộ ả ông nghiệp và Phát triển ả ông thôn.
- Tổng liên đoàn lao động Việt ả am công nhận là “Doanh nghiệp tiêu biểu vì ả gười lao động”.
- 15 năm liên tục được người tiêu dùng bình chọn là Hàng Việt ả am chất lượng cao.
- ả ả năm 2018, sản phẩm Safoco còn được cấp chứng nhận Hàng Việt ả am chất lượng cao – Chuẩn hội nhập.

Và nhiều giải thưởng cao quý khác của các cơ quan, ban ngành khen tặng như:

+ Sở Giao dịch chứng khoán Hà ả ội công nhận: là 01 trong 30 doanh nghiệp minh bạch nhất Hả X (2016-2017); Top 30 doanh nghiệp công bố thông tin minh bạch nhất sàn chứng khoán; Doanh nghiệp có năng lực quản trị tài chính tốt nhất sàn chứng khoán Việt ả am năm 2018,...

+ Chủ tịch UB ả D phường Linh Tây tặng Giấy khen vì đã có thành tích trong thực hiện Chương trình giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2018.

Và một số giải thưởng khác như: Top 10 nhãn hiệu hàng đầu Việt ả am năm 2018; Sản phẩm vàng - Dịch vụ vàng Việt ả am; Top 100 thương hiệu uy tín tin dùng ASEAN ..

HÌNH ẢNH MỘT SỐ SẢN PHẨM TIÊU BIỂU CỦA CÔNG TY



Mì xào cao cấp

Mì thượng hạng rau củ



Nui đậu xanh

Nui cao cấp

Nui gạo hình xoắn

Nui nấu ăn liền



Bún tươi

Bún xào

Bún xào

Món ăn gợi ý



Bánh tráng 16cm

Món ăn gợi ý

Bánh tráng 22cm

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a) Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất và kinh doanh các sản phẩm: mì sợi, bún, nui, bánh tráng;
- Mua bán: các mặt hàng lương thực thực phẩm, công nghệ phẩm, vật liệu xây dựng;
- Kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng đường bộ.

b) Địa bàn kinh doanh

- Thị trường trong nước: có hệ thống phân phối sản phẩm trên toàn quốc với hơn 2.500 điểm bán hàng trải đều khắp cả nước, thông qua các kênh phân phối truyền thống: hệ thống đại lý, cửa hàng tạp hóa, tiểu thương tại các chợ,... và kênh phân phối hiện đại như: Co.op mart, Vinmart, Aeon, Mega Market, Lotte, các cửa hàng tiện ích,... đưa sản phẩm Safoco đến tận tay người tiêu dùng.

- Thị trường xuất khẩu: Safoco cũng đã thâm nhập được vào những thị trường khó tính, đòi hỏi chất lượng cao như: Mỹ, Anh, Úc, Hàn Quốc, ả hạt Bản, ả ga, Cộng hòa Séc, Israel,...

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a) Mô hình quản trị

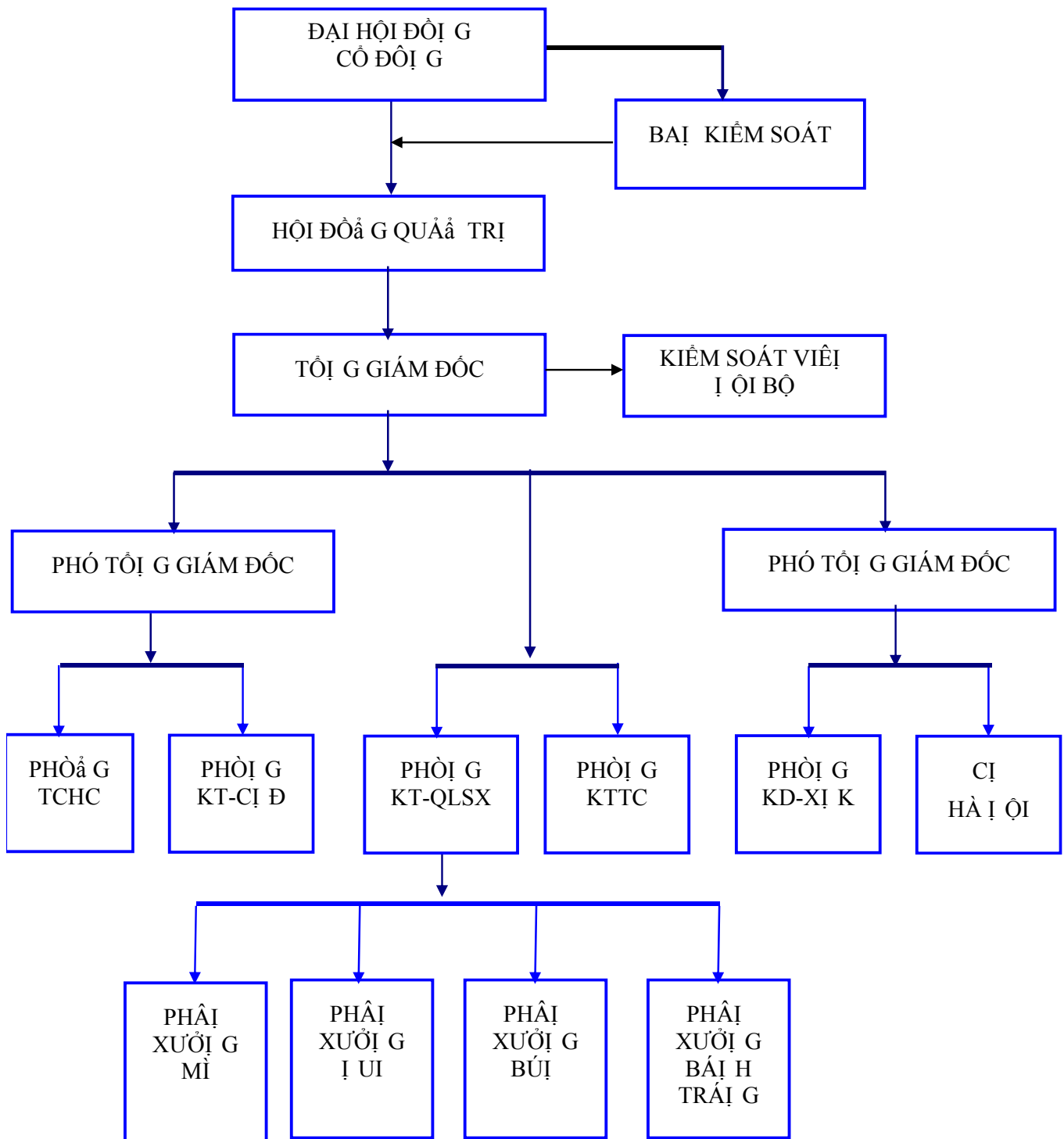
- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) có thẩm quyền cao nhất công ty, quyết định những vấn đề thuộc quyền và nhiệm vụ do luật pháp, Điều lệ công ty quy định;

- Hội đồng quản trị (HĐQT) là cơ quan quản lý của Công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định những vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ;

- Ban kiểm soát (BKS), thực hiện nhiệm vụ thay mặt ĐHĐCĐ giám sát, đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT, Ban Tổng giám đốc theo quy định trong Điều lệ công ty, các nghị quyết/Quyết định của ĐHĐCĐ và các văn bản pháp luật;

- Ban Tổng giám đốc (TGD) điều hành hoạt động của Công ty trong đó đứng đầu là Tổng giám đốc.

b) Cơ cấu bộ máy quản lý



- Các công ty con, công ty liên kết: Không có

5. Định hướng phát triển

a) Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

– Trở thành một doanh nghiệp hàng đầu của Việt I am trong sản xuất chế biến thực phẩm khô, cung cấp sản phẩm có chất lượng và giá trị cao, an toàn thực phẩm, đây là mục tiêu được ưu tiên đặc biệt của Safoco vì đó không chỉ là trách nhiệm của nhà sản xuất mà còn yếu tố quyết định sự sống còn của doanh nghiệp.

– Tiếp tục phát huy hiệu quả hệ thống các kênh phân phối trong nước và khách hàng truyền thống nước ngoài để mở rộng mạng lưới tiêu thụ sản phẩm được nhanh chóng và ổn định.

– Tạo môi trường làm việc tốt, xây dựng nguồn nhân lực chuyên nghiệp và vận dụng chính sách lương thưởng cùng các chế độ đãi ngộ khác, nhằm nâng cao đời sống tinh thần vật chất cho người lao động (I LD).

- Liên tục cải tiến và thực thi tốt các mục tiêu về xã hội và môi trường.

b) Chiến lược phát triển trung và dài hạn của Công ty

– Tiếp tục duy trì chiến lược phát triển thị trường bền vững, đi nhanh tốc độ tăng trưởng, tối đa hóa lợi nhuận, hài hòa cả 03 lợi ích I hà nước – Cổ đông – I gười lao động.

– Không ngừng đi tư đi mạnh hoạt động sản xuất, nâng cao trình độ kỹ thuật, công nghệ nhằm tạo ra những sản phẩm có chất lượng cao, uy tín trên thị trường.

– Mở rộng mạng lưới phân phối, tăng tính đa dạng của sản phẩm, nghiên cứu phát triển sản phẩm phù hợp với từng đối tượng khách hàng.

– Tăng cường chương trình xúc tiến thương mại với các đối tác nước ngoài, đi mạnh xuất khIu gia tăng nguồn thu ngoại tệ.

– I âng cao trình độ quản trị doanh nghiệp, đào tạo đội ngũ kế thừa, phát huy năng lực lao động có kỹ thuật tay nghề giỏi.

c) Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty

– Luôn tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan đến việc bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất của Công ty, tuân hoàn, tái sử dụng nguồn tài nguyên, áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến, sử dụng năng lượng có hiệu quả, giảm thiểu ô nhiễm môi trường, khai thác tài nguyên thiên nhiên nhằm đảm bảo sức khỏe cho I LD và cộng đồng dân cư địa phương.

– Đảm bảo quy trình sản xuất luôn đạt vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP). Đối với sản phẩm xuất khIu, phải tuân thủ tiêu chuẩn của từng nước sở tại (như: Tiêu chuẩn của khối EU, tiêu chuẩn FDA của nước Mỹ, tiêu chuẩn của Hàn quốc,...).

– Đảm bảo trách nhiệm chia sẻ khó khăn với cộng đồng xã hội luôn hài hòa với sự phát triển của Công ty bằng các hoạt động như: xây dựng nhà tình nghĩa cho các gia đình chính sách gặp khó khăn, nhà tình thương cho các gia đình nghèo khó khăn, chăm lo cho

trẻ em khuyết tật, hỗ trợ người dân chịu ảnh hưởng bởi thiên tai, bão lụt; Tài trợ chương trình “I hững trái tim đồng cảm”; tham gia các chương trình xây dựng nông thôn mới như đóng góp ủng hộ làm đường nông thôn của huyện Củ Chi,...

6. Các rủi ro

a) Rủi ro tỷ giá: Hiện nay, sản phẩm Safoco đã xuất khẩu sang các thị trường lớn: Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ, khối EU,...do đó biến động mạnh về tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến doanh thu của Công ty.

b) Rủi ro cạnh tranh: Việt I am đang trong giai đoạn hội nhập nền kinh tế thế giới, điều này dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp nội địa và các doanh nghiệp nước ngoài cả về giá thành lẫn chất lượng sản phẩm.

I goài ra, Công ty còn phải cạnh tranh với những sản phẩm hàng giả, hàng nhái, hàng kém chất lượng,...đây là những rủi ro thường xuyên mà Công ty phải đối mặt. Chính vì vậy, Công ty phải chú trọng nâng cao năng lực sản xuất, tạo sản phẩm có chất lượng cao, đảm bảo an toàn thực phẩm nhưng giá thành phù hợp mới đủ sức cạnh tranh trên thị trường.

c) Rủi ro về nguyên liệu đầu vào:

+ Chi phí nguyên liệu đầu vào chiếm tỷ trọng tương đối trong giá thành sản xuất của Công ty. Do đó, sự biến động giá cả nguyên vật liệu chắc chắn sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Công ty;

+ Đôi khi, chất lượng nguyên liệu đầu vào của một số nhà cung cấp không đạt tiêu chuẩn chất lượng của Công ty yêu cầu.

d) Rủi ro về pháp lý: hệ thống các văn bản pháp luật đang trong giai đoạn sửa đổi và hoàn thiện cho phù hợp với sự phát triển của nền kinh tế khi Việt I am gia nhập các khối Asean, TPP, Do đó, những sự thay đổi của hệ thống pháp luật, chính sách trong nước có thể ảnh hưởng đến kế hoạch SXKD của Công ty.

đ) Rủi ro khác: các rủi ro khác như thiên tai, địch họa, hỏa hoạn,... là những rủi ro bất khả kháng, nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người và tình hình hoạt động chung của Công ty.

7. Những lợi thế cạnh tranh nổi bật của SAFOCO so với các doanh nghiệp khác trong ngành

– Thương hiệu Safoco là thương hiệu nổi tiếng với những ưu điểm: đa dạng sản phẩm, mùi vị, chất lượng luôn được đảm bảo an toàn thực phẩm, giá trị dinh dưỡng cao, giá bán hợp lý,... đã được đăng ký bảo hộ nhãn hiệu độc quyền ở tất cả các nước thuộc Châu Âu, Châu Á, Châu Mỹ, khối EU.

– Có một đội ngũ nhân viên tiếp thị chuyên nghiệp trên khắp cả nước, cùng đội ngũ cán bộ quản lý có trình độ, giàu kinh nghiệm, năng động và công nhân lao động nhiệt tình, cùng làm việc trong một tập thể có tính đoàn kết cao.

– Có hệ thống phân phối sản phẩm trên toàn quốc với hơn 2.500 điểm bán hàng thông qua các đại lý, hệ thống siêu thị, Coop Food, nhà hàng, cửa hàng tiện ích,..... thị

trường xuất khẩu của Safoco cũng đã thâm nhập được vào những thị trường khó tính, đòi hỏi chất lượng cao như: Mỹ, Úc, Hàn Quốc, Nhật Bản,

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2018

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

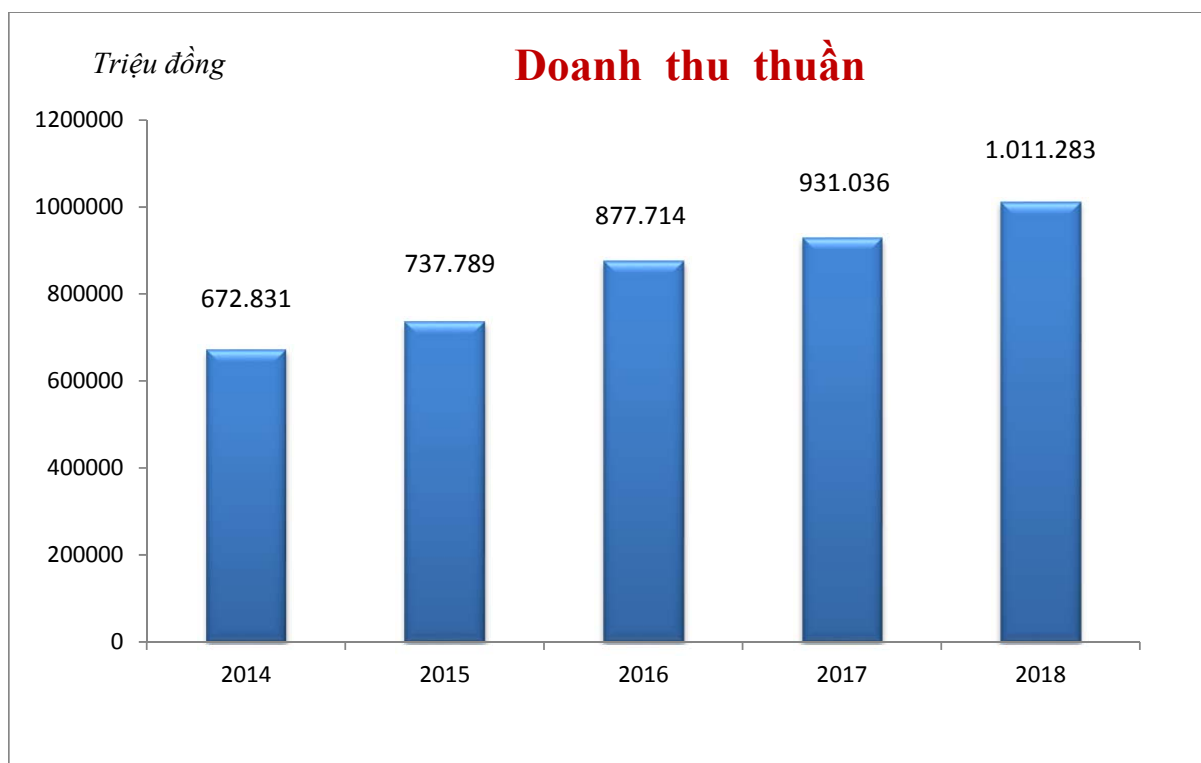
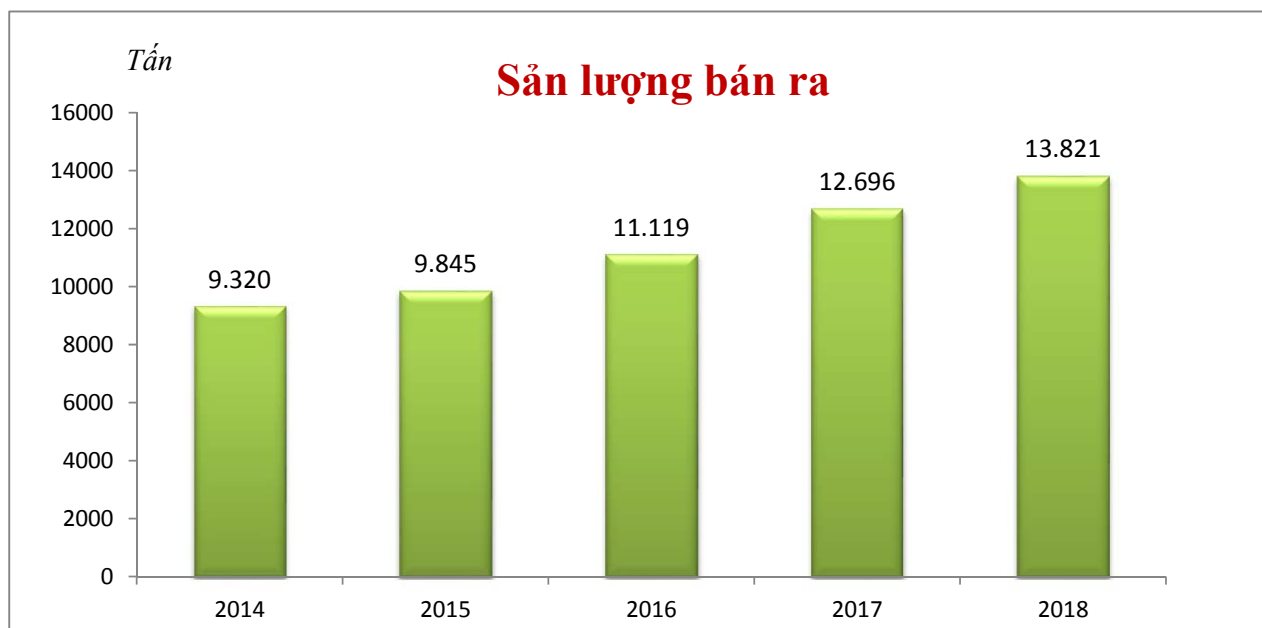
a) Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

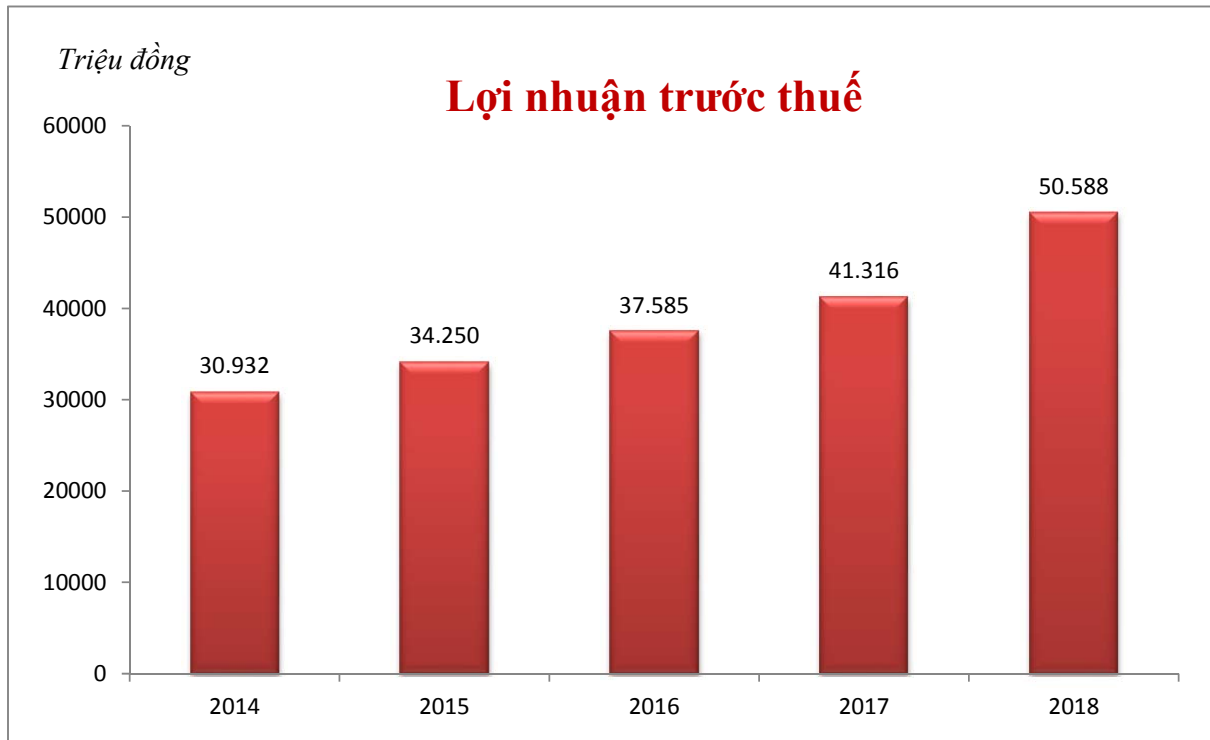
Năm 2018 là một năm đầy thử thách khi bối cảnh thị trường trong và ngoài nước có nhiều biến động. Sự cạnh tranh ngày càng gay gắt, thời tiết diễn biến bất thường, giá nguyên vật liệu tăng cao,.... Trước bối cảnh đó, Ban Tổng giám đốc bám sát chỉ đạo của HĐQT và đã có những thay đổi kịp thời, linh hoạt trong chiến lược phát triển sản phẩm, chiến lược kinh doanh, cải tạo nhà xưởng, đầu tư máy móc thiết bị, phát triển mở rộng mạng lưới phân phối,... cùng với sự đoàn kết của toàn thể người lao động trong công ty, đồng tâm hiệp lực thực hiện hoàn thành và vượt tất cả các chỉ tiêu về doanh thu, lợi nhuận do HĐQT, ĐHCĐ đã đề ra trong năm 2018. Cụ thể:

Số tt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện năm 2017	Năm 2018		% Thực hiện 2018 so với	
				Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2017
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	12.644	14.500	15.039	103,72	118,94
2	Sản lượng bán ra	Tấn	12.696	13.500	13.821	102,38	108,86
3	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	934.300	950.000	1.016.204	106,97	108,77
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	41.316	42.000	50.588	120,45	122,44
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	32.895	35.900	40.266	112,16	122,41
6	Lãi cơ bản/ cổ phiếu	Đồng	4.154	4.534	5.058	111,56	121,76

b) Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Biểu đồ về Tổng doanh thu, Lợi nhuận và Sản lượng bán ra trong 5 năm gần đây, thể hiện các chỉ tiêu SXKD đều tăng trưởng - năm sau cao hơn năm trước.





2. Tổ chức và nhân sự

a) Danh sách Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

1- Bà Phạm Thị Thu Hồng - Tổng Giám đốc	
- Ngày, tháng, năm sinh	: 04/7/1957
- Nơi sinh	: Hải Hưng
- Trình độ CM	: Cử nhân Quản trị Kinh doanh, Chứng chỉ CEO
- Địa chỉ thường trú	: 173 Nguyễn Kim, phường 7, Quận 10, TP.HCM
- Số cổ phần sở hữu	: 850.513 cp
2- Ông Nguyễn Tuấn Bao - Phó Tổng Giám đốc	
- Ngày, tháng, năm sinh	: 19/6/1952
- Nơi sinh	: Long An
- Trình độ CM	: Chứng chỉ CEO
- Địa chỉ thường trú	: 172 Bà Hạt, phường 9, Quận 10, TP.HCM
- Số cổ phần sở hữu	: 0 cp

Phân loại theo Hợp đồng lao động	Số người	Tỷ lệ (%)
-Không xác định thời hạn	348	50,4 %
-Thời hạn từ 12 tháng đến 36 tháng	342	49,6 %

– Tóm tắt Chính sách và thay đổi chính sách đối với người lao động

Công ty luôn thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của luật Lao động, luật Bảo hiểm xã hội như: ký kết Hợp đồng lao động, đóng BHXH-BHYT-BHTI .

+ Về tiền lương, tiền thưởng: Công ty luôn đảm bảo thu nhập cho I LĐ được ổn định tương xứng năng lực và hiệu quả của vị trí chức danh nhưng vẫn có cạnh tranh so với thị trường lao động.

+ Công ty tiếp tục thực hiện nhiều chính sách phúc lợi đối với người lao động như: hỗ trợ tiền đi nghỉ mát, tặng quà nhân ngày lễ 8/3, tết Dương lịch, ngày tết cổ truyền dân tộc, Giỗ tổ Hùng Vương, ngày lễ 30/4 và 1/5, Quốc khánh 2/9, chi lương bổ sung tháng 13, thưởng thi đua sáng kiến, thưởng chiến dịch theo đợt, hỗ trợ tiền tham quan nghỉ mát,...

+ Bếp ăn tập thể của Công ty luôn tuân thủ đúng quy trình một chiều của Bộ Y tế, các nguyên liệu chế biến đầu vào đều có nguồn gốc rõ ràng, đảm bảo cho bữa ăn của người lao động luôn đủ dinh dưỡng.

+ Công ty tổ chức cho người lao động khám sức khỏe định kỳ, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, thường xuyên đào tạo về ATVSLĐ, xây dựng môi trường làm việc thông thoáng, hàng năm có thực hiện quan trắc môi trường lao động, kết quả các yếu tố môi trường lao động đều đạt tiêu chuẩn an toàn lao động.

I ăm 2018, thu nhập bình quân của I LĐ đạt được như sau:

<i>Thu nhập</i>	<i>Năm 2017</i>	<i>Năm 2018</i>	<i>Tỷ lệ (%)</i>
<i>Thu nhập bình quân tháng/người</i>	<i>13.646.000</i>	<i>14.473.000</i>	<i>106,6</i>

Công ty đã vận dụng chính sách tiền lương, thưởng hợp lý, khuyến khích lao động chuyên cần, động viên người lao động nâng cao trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ. Chính vì vậy, mà công ty không bị thiếu hụt lao động, giữ được người lao động có tay nghề giỏi ở lại làm việc lâu dài.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Trong năm 2018, Công ty thực hiện công tác đầu tư Mua sắm – XD CB với tổng giá trị 20.931 triệu đồng, trong đó:

- Hoàn thành 16 hạng mục đầu tư Mua sắm : 12.230 triệu đồng
- Hoàn thành 09 hạng mục đầu tư XD CB : 7.288 triệu đồng
- 01 hạng mục đầu tư Mua sắm (Lò hơi 8 tấn) : 1.413 triệu đồng

đang thực hiện dở dang, dự kiến hoàn thành trong tháng 01/2019

Công tác đầu tư đều hoàn thành đúng tiến độ, có hiệu quả và tiết kiệm chi phí, tài sản sau khi đầu tư kịp thời đưa vào sản xuất đáp ứng nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Việc đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị được thiết kế hợp lý, thi công đạt tiêu chuẩn, góp phần tiết kiệm, tránh hao phí, tổn thất trong quá trình vận hành, tỷ suất chi phí so với doanh thu mà công ty thực hiện ngày càng giảm. Ngoài ra công tác sửa chữa bảo dưỡng, duy tu thường xuyên là một trong những thế mạnh, góp phần mang lại cho công ty những thành công, ổn định sản xuất và hiệu quả trong thời gian qua.

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tăng (+) /Giảm (-)
1	Tổng giá trị tài sản	166.349	198.107	31.758
2	Doanh thu thuần	931.036	1.011.283	80.247
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	39.969	49.601	9.632
4	Lợi nhuận khác	1.347	987	(360)
5	Lợi nhuận trước thuế	41.316	50.588	9.272
6	Lợi nhuận sau thuế	32.895	40.266	7.371
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	30%	30%*	-

Nguồn: Báo cáo tài chính năm 2016 và năm 2017 đã kiểm toán

():cổ tức dự kiến*

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Số tt	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
1	Khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (TS ngắn hạn/I ợ ngắn hạn)	Lần	2,62	2,14
	- Hệ số thanh toán nhanh (TS ngắn hạn - Hàng tồn kho)/I ợ ngắn hạn)	Lần	1,32	1,28

Số tt	Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
2	Cơ cấu vốn			
	- I ợ phải trả/Tổng tài sản	%	30,05	0,36
	- I ợ phải trả/Vốn chủ sở hữu	%	42,95	0,56
3	Năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho BQ)	Vòng	12,65	14,24
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	5,6	5,10
4	Khả năng sinh lời			
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Doanh số thuần	%	3,50	3,98
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu	%	28,27	31,77
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Tổng tài sản	%	19,77	20,32
	- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	4,29	4,9

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- Tổng số cổ phần đang lưu hành : 7.918.154 cổ phần;
- Loại cổ phần đang lưu hành : 7.918.154 cổ phần phổ thông;
- Số lượng cổ phần tự do chuyển nhượng : 7.918.154 cổ phần;
- Số lượng cổ phần hạn chế chuyển nhượng : 0 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông

Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Tổng cộng	
		Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Tổng Vốn điều lệ		79.181.540.000	100%
1. Theo tỷ lệ sở hữu			
- Cổ đông lớn (sở hữu trên 5%)	03	67.859.140.000	85,70
- Cổ đông nhỏ (sở hữu dưới 5%)	317	11.322.400.000	14,30

Chỉ tiêu	Số lượng cổ đông	Tổng cộng	
		Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
2. Theo loại hình sở hữu			
- Cổ đông tổ chức	20	59.991.240.000	75,76
- Cổ đông cá nhân	300	19.190.300.000	24,24
3. Theo trong và ngoài nước			
- Cổ đông trong nước	275	76.366.140.000	96,44
- Cổ đông nước ngoài	45	2.815.400.000	3,56
4. Theo nhà nước và tư nhân			
- Cổ đông nhà nước	01	40.618.520.000	51,30
- Cổ đông khác	319	38.563.020.000	48,70

Nguồn: Theo Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán số 619/2018-SAF/VSD-ĐK ngày 27/4/2018 do VSD cung cấp.

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ: 0 cổ phiếu;
- Các giao dịch cổ phiếu quỹ thực hiện trong năm: không có.

đ) Các chứng khoán khác

I ăm 2018 Công ty không có phát hành các loại chứng khoán khác.

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

a) Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm trong năm 2018:

- Tổng lượng nguyên vật liệu sử dụng : 24.441 tấn
- Sản phẩm đóng gói : 16.386 tấn

Tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế đưa vào sử dụng để sản xuất sản phẩm là 0,614%.

Công ty thực hiện việc sử dụng tiết kiệm nguồn nguyên nhiên liệu thông qua các hoạt động: kiểm soát chặt chẽ chất lượng nguồn nguyên liệu đầu vào, sử dụng nguyên liệu một cách hợp lý trong quá trình sản xuất và có các giải pháp tái sử dụng nguyên liệu dư thừa, không sử dụng.

b) Tiêu thụ năng lượng

- Điện: 3.169.886 kwh;
- Than đá: 8.160 tấn.

c) Tiêu thụ nước

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:
- + Nguồn cung cấp nước:

- Nguồn nước thủy cục: lượng nước sử dụng là 15.000 m³ được dùng cho các mục đích: trực tiếp đưa vào sản xuất sản phẩm và nấu ăn.

- Nguồn nước ngầm khai thác từ tầng sâu (đã qua xử lý, đảm bảo các chỉ tiêu phù hợp với yêu cầu chất lượng theo tiêu chuẩn nước cấp cho sản xuất và sinh hoạt của Bộ Y tế): lượng nước sử dụng là 82.000 m³, được dùng để: vận hành của lò hơi, vệ sinh thiết bị, máy móc, vệ sinh nhà xưởng, tưới cây...

- + Lượng nước sử dụng trung bình là 6,5 m³/tấn sản phẩm

- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái sử dụng: Để thực hiện chính sách tiết kiệm nước, công ty tiếp tục áp dụng các biện pháp đã mang lại hiệu quả về làm giảm mức tiêu thụ nước như tăng lượng tuần hoàn, tái sử dụng, cải tạo quy trình công nghệ để giảm tiêu thụ nước, đồng thời nâng cao ý thức sử dụng nước tiết kiệm trong toàn Công ty.

Do đó trong năm qua tỉ lệ lượng nước tái sử dụng tại công ty đạt 18% tổng lượng nước sử dụng.

d) Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Là doanh nghiệp sản xuất, Công ty luôn nhận thức rằng hoạt động sản xuất chế biến của Công ty sẽ có những tác động đến môi trường xung quanh. Do vậy, Công ty đã:

- Tuân thủ tốt các quy định về bảo vệ môi trường của nhà nước;
- Thực hiện nhiều giải pháp để giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường.

Kết quả, trong năm 2018 Công ty đã thực hiện tốt công tác quản lý và bảo vệ môi trường, được đánh giá tốt qua các cuộc kiểm tra định kỳ của các cơ quan chức năng, được sự ủng hộ của cộng đồng dân cư khu vực xung quanh nhà máy.

đ) Chính sách liên quan đến người lao động

– Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

- + Số lượng CB.CI VLD: Tổng số lao động đến tháng 12/2018 là 690 người.

- + Mức lương trung bình: 13.562.000 đồng/người/tháng. Việc trả lương gắn liền với từng vị trí chức danh, hiệu quả công việc và hiệu quả kinh doanh của công ty.

– Chính sách liên quan đến người lao động:

- + Công ty thực hiện tốt công tác bảo hộ lao động như: khám sức khỏe định kỳ, khám chuyên sâu phân loại bệnh nghề nghiệp cho người lao động; các chức danh nghề

thuộc nhóm nặng nhọc độc hại đều được phụ cấp theo quy định; trang cấp phương tiện bảo vệ cá nhân theo tính chất công việc,...

+ Tuân thủ, thực hiện đầy đủ các qui định, nội qui, qui trình thực hiện công tác ATVSLĐ, phòng cháy chữa cháy.

+ Trang bị BHLĐ, thực hiện đo kiểm môi trường lao động. Thường xuyên tổ chức kiểm tra, tự kiểm tra, đôn đốc thực hiện các biện pháp an toàn lao động tại đơn vị. Kết quả, trong năm 2018, Công ty không để xảy ra tai nạn lao động.

– Hoạt động đào tạo I gười lao động:

Công tác đào tạo huấn luyện luôn là mục tiêu quan trọng của công ty. I ăm 2018, Công ty đã tổ chức cho I gười lao động cập nhật nâng cao kiến thức nghiệp vụ và đảm bảo an toàn lao động, An toàn VSTP; Bồi dưỡng kỹ năng nghề cho công nhân sản xuất và lao động phổ thông.

g) Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã xác định sự phát triển kinh doanh phải luôn gắn kết trách nhiệm đối với cộng đồng xã hội và trách nhiệm này chính là văn hóa của Công ty. Do đó, phong trào đền ơn đáp nghĩa, hoạt động xã hội từ thiện được Công ty duy trì phát động hàng năm và được Cổ đông, toàn thể CB.CI VLD hưởng ứng tham gia bằng những việc làm cụ thể như:

- Xây dựng 01 căn nhà tình nghĩa, 02 căn nhà tình thương cho các hộ gia đình chính sách gặp khó khăn, các hộ nghèo của các xã thuộc tỉnh Long An, Bến Tre.

- Đến thăm và tặng quà cùng các sản phẩm Safoco cho các gia đình chính sách gặp khó khăn nhân ngày Thương binh liệt sỹ;

- Tài trợ chương trình “I hững trái tim đồng cảm”; Đóng góp ủng hộ làm đường nông thôn của huyện Củ Chi.

I ăm 2018, Công ty đã thực hiện công tác từ thiện với tổng số tiền là 1.203 triệu đồng (trong đó: từ quỹ Cổ đông là 450 triệu đồng, Công ty là 639 triệu đồng, I gười lao động đóng góp 114 triệu đồng).

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

a) Đánh giá chung

Mặc dù năm 2018 có những khó khăn, thuận lợi nhất định, nhưng Ban Tổng Giám đốc điều hành đã năng động, nhạy bén, đồng thuận, nhất trí cao, chỉ đạo hoạt động sản xuất kinh doanh đúng định hướng trong thời kỳ hội nhập, điều hành theo hướng công khai - minh bạch, với tinh thần trách nhiệm cao nhất, Ban lãnh đạo và gần 700 người lao động Safoco đã nỗ lực hết mình để mang lại kết quả hoạt động năm 2018 rất phấn khởi như: Doanh thu đạt 1.016 tỷ vượt 6,97% kế hoạch, tăng 8,77% so với cùng kỳ; Lợi nhuận trước thuế đạt 50,6 tỷ đồng vượt 20,45% kế hoạch đề ra, tăng 22,44% so với cùng kỳ 2017; thu nhập người lao động ổn định và tăng trưởng, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, quyền lợi cổ đông được đảm bảo.

Với hiệu quả kinh doanh đạt được năm 2018, Công ty đã đóng góp vào ngân sách I hà nước hơn 35,6 tỷ đồng.

b) Những tiến bộ công ty đã đạt được

– Công tác sản xuất

Quy hoạch và mở rộng các phân xưởng, đầu tư mới máy móc thiết bị, thay đổi quy trình sản xuất, đã mang lại hiệu quả nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng công suất, sản lượng và giảm hao phí lao động. Trong năm 2018, Công ty không tiếp nhận khiếu nại nào của khách hàng về chất lượng sản phẩm.

– Công tác kinh doanh

+ Thị trường nội địa: Phát triển và khai thác tốt mạng lưới phân phối sản phẩm trên toàn quốc với hơn 2.500 điểm bán hàng thông qua các đại lý, hệ thống siêu thị, Coop Food, nhà hàng, cửa hàng tiện ích,... bằng những chính sách bán hàng linh hoạt theo từng thời kỳ, từng địa phương và phù hợp với biến động thị trường. Đối với thị trường miền Bắc, đẩy mạnh các chương trình bán hàng, phát triển thị trường mới ở khu vực các tỉnh Tây Bắc và tìm kiếm khách hàng xuất qua đường tiểu ngạch sang thị trường Trung Quốc, vì vậy năm 2018, sản lượng tiêu thụ thị trường này tăng hơn 34,6% so với cùng kỳ 2017.

+ Thị trường xuất khẩu: Công ty đã thực hiện các chương trình khuyến mãi, chào giá bán cạnh tranh, giảm giá hấp dẫn cho các thị trường mới nên sản lượng tiêu thụ của thị trường này tăng trưởng khá tốt, năm 2018 sản lượng tiêu thụ tăng hơn 30% so với cùng kỳ năm 2017.

+ Hoạt động kinh doanh của I hà hàng Hoa viên I am Bộ, gian hàng, điểm bán trực thuộc cũng ổn định và hiệu quả, góp phần gia tăng doanh thu và lợi nhuận chung của Công ty.

– Công tác tài chính:

Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, hiệu quả quản trị nguồn vốn được nâng cao, đối chiếu và thu hồi công nợ đúng quy định trong các hợp đồng đã ký; chủ động sắp xếp các nguồn vốn phục vụ kịp thời hoạt động sản xuất kinh doanh. Đặc biệt, Công ty không có trường hợp nào là công nợ khó đòi.

– Công tác đầu tư:

+ Công tác đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm máy móc thiết bị đã mang lại hiệu quả cho công ty: nâng cao chất lượng sản phẩm, đảm bảo an toàn thực phẩm, giảm hao phí lao động, đủ năng lực sản xuất thỏa mãn nhu cầu thị trường.

+ Đặc biệt năm 2018, Công ty tiếp tục đầu tư thiết bị lò hơi có công suất sinh hơi lớn cho phân xưởng Bánh tráng, đã giảm yếu tố nặng nhọc độc hại cho công nhân lao động, đảm bảo nguồn hơi đủ cung cấp liên tục cho sản xuất, sử dụng đa nhiên liệu và bảo vệ môi trường.

– Công tác tổ chức lao động:

+ CB.CỊ V.LĐ luôn duy trì tốt tinh thần làm việc nhiệt tình, kiên trì phấn đấu vượt khó và tự giác học tập rèn luyện kỹ năng tay nghề,... để hoàn thành nhiệm vụ được giao. I hờ đó, năng suất lao động hằng năm đều tăng hơn năm trước.

+ Công ty đảm bảo việc làm ổn định và thực hiện điều chỉnh tăng chính sách tiền lương tiền thưởng để CB.CỊ V.LĐ an tâm làm việc cho đơn vị.

2. Tình hình tài chính

I hìn chung, tình hình tài chính SAFOCO trong năm 2018 lành mạnh, cơ cấu vốn khá an toàn, khả năng thanh toán cao, nguồn vốn được sử dụng hiệu quả hơn.

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Tăng/ Giảm
1- Tài sản ngắn hạn	131.122	152.899	21.777
- Tiền và các khoản tương đương tiền	54.441	11.835	(42.606)
- Các khoản đầu tư ngắn hạn	4.002	27.502	23.500
- Các khoản phải thu ngắn hạn	23.574	38.772	15.198
- Hàng tồn kho	48.871	74.583	25.712
- Tài sản ngắn hạn khác	234	207	(27)
2- Tài sản dài hạn	35.227	45.208	9.981
- Các khoản phải thu dài hạn	39	134	95
- Tài sản cố định hữu hình	15.161	25.127	9.966
- Tài sản cố định vô hình	19.739	19.739	-
- Tài sản dài hạn khác	0	208	208
CỘNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN	166.349	198.107	31.758
1- Nợ phải trả	49.986	71.353	21.367
- I ợ ngắn hạn	49.986	71.353	21.367
- I ợ dài hạn	0	-	-
2- Vốn chủ sở hữu	116.363	126.754	10.391
CỘNG NGUỒN VỐN	166.349	198.107	31.758

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý

- Tiếp tục thực hiện đúng các quy định theo tiêu chuỊn ISO 9001:2015 và HACCP, chất lượng sản phẩm được kiểm tra nghiêm ngặt, kiểm soát chặt chẽ từ nguyên liệu đầu vào đến thành phẩm cuối cùng, đáp ứng tiêu chuỊn an toàn vệ sinh thực phẩm

của Bộ y tế và các tiêu chuẩn, quy chuẩn của các nước nhập khẩu, đảm bảo sản phẩm đạt tiêu chuẩn tốt nhất trước khi đưa ra thị trường phân phối đến tay người tiêu dùng.

– Công tác nghiên cứu, cải tiến chất lượng sản phẩm và xử lý sản phẩm có sự cố chất lượng (nếu có) đã mang lại hiệu quả rõ rệt, giúp nâng cao chất lượng sản phẩm và giảm mức độ xử lý sản phẩm không phù hợp.

– Kiểm soát tốt việc sử dụng điện-nước, nguyên phụ liệu-vật tư-nhiên liệu không để phát sinh vượt định mức; Quản lý an toàn thiết bị, an toàn lao động trong quá trình vận hành.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

– Công ty tiếp tục đầu tư thêm máy móc thiết bị mới, cải tạo nhà xưởng, để nâng cao chất lượng, mẫu mã sản phẩm nhằm tạo sự khác biệt về sản phẩm và đáp ứng nhu cầu của khách hàng một cách tốt nhất.

– Tăng cường công tác kiểm tra chất lượng sản phẩm, đảm bảo thực hiện đúng quy định an toàn VSTP cho tất cả các sản phẩm Safoco, tuân thủ đúng theo yêu cầu của hệ thống quản lý chất lượng ISO và HACCP.

– Xây dựng các chương trình bán hàng thích hợp, tăng cường tham gia các hội chợ thương mại nội địa và các nước trong khu vực để kiếm thêm khách hàng mới tăng thị phần tiêu thụ trên thị trường nội địa và xuất khẩu.

– Thực hiện triệt để công tác tiết kiệm giảm chi phí, giảm giá thành tạo sức cạnh tranh nhằm mang lại hiệu quả cao cho Công ty.

– Lập kế hoạch tuyển dụng đào tạo công nhân nhằm tăng năng suất lao động, thực hiện chế độ lương thưởng hợp lý, tạo điều kiện tốt nhất để người lao động phát huy năng lực, sáng kiến cải tiến đóng góp vào sự phát triển bền vững của công ty.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Thực hiện tốt những quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, đảm bảo nguyên tắc của Công ty là sản xuất hài hòa với môi trường và xã hội, cụ thể:

– Đầu tư nâng cao thiết bị xử lý (nước thải, khí thải) đảm bảo đạt tiêu chuẩn quy định trước khi thải ra môi trường, vận dụng nhiều biện pháp để thu gom phân loại và xử lý đối với chất thải rắn (thông thường và nguy hại).

– Xây dựng ý thức tiết kiệm điện-nước khi sử dụng cho người lao động bằng phương pháp tuyên truyền, giáo dục, vận động. Song song xây dựng môi trường làm việc xanh - sạch - đẹp và không khói thuốc.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

Công tác An toàn Vệ sinh lao động luôn được Công ty quan tâm bằng những việc làm cụ thể như: Khám sức khỏe định kỳ cho người lao động; Trang bị đầy đủ thuốc men, dụng cụ y tế và tổ chức tập huấn Sơ cấp cứu tại chỗ; Thực hiện đo kiểm môi trường lao

động; Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ cá nhân theo từng phân xưởng, vị trí chức danh công việc cho người lao động.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

– Chính sách của Công ty đề ra là “Đặt lợi ích sức khỏe của người tiêu dùng lên trên hết” nên việc đảm bảo An toàn VSTP là nguyên tắc hàng đầu, phải tuân thủ theo quy trình như sau:

+ Kiểm soát từ nguồn nguyên phụ liệu đưa vào sản xuất đến bao bì đóng gói. Thực hiện công tác quản lý và kiểm soát chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế (ISO và HACCP).

+ Cung cấp thông tin đầy đủ về thành phần, cách sử dụng và thời gian bảo quản để người tiêu dùng hiểu và dễ chọn lựa.

– Thực hiện trách nhiệm đối với cộng đồng, thể hiện đạo lý “Uống nước nhớ nguồn” và “Lá lành đùm lá rách”, hàng năm người lao động trong Công ty và cổ đông đều tích cực tham gia đóng góp kinh phí cho hoạt động xã hội từ thiện.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

- I ăm 2018, Công ty đã có nhiều nỗ lực trong việc tổ chức triển khai các hoạt động kinh doanh, đồng thời thực hiện tốt công tác quản trị nội bộ. Kết quả kinh doanh của Công ty vượt kế hoạch, cụ thể: doanh thu và lợi nhuận năm 2018 lần lượt là 1.016 tỷ đồng và 50,6 tỷ đồng, tương ứng với 106,97% và 120,45% kế hoạch do ĐHĐCĐ thông qua.

- Công tác đầu tư mang lại hiệu quả cao: nhà xưởng được nâng cấp, cải tạo, mở rộng, máy móc thiết bị được đầu tư mới, đảm bảo quy trình sản xuất luôn đạt vệ sinh an toàn thực phẩm, đối với sản phẩm xuất khẩu luôn tuân thủ tiêu chuẩn của từng nước sở tại (như: Tiêu chuẩn của khối EU, tiêu chuẩn FDA của nước Mỹ, tiêu chuẩn của Hàn Quốc,...).

– Bộ máy tổ chức ổn định. Đội ngũ cán bộ quản lý, kỹ thuật của Công ty có trình độ nghiệp vụ chuyên môn và lực lượng công nhân lành nghề, làm việc với tinh thần trách nhiệm cao.

- Tình hình tài chính của Công ty lành mạnh, nguồn vốn được bảo toàn, đảm bảo phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

Đạt được kết quả trên là do sự phối hợp nhịp nhàng giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Ban điều hành, sự nỗ lực của tập thể lãnh đạo và người lao động giúp cho việc thực hiện các nghị quyết của HĐQT được nhanh chóng và chính xác.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty

HĐQT đánh giá cao sự nỗ lực của Tổng giám đốc và Ban điều hành đã triển khai thực hiện tốt các hoạt động theo ủy quyền, phù hợp với các nghị quyết của HĐQT, các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh đều vượt kế hoạch đề ra. Để có được kết quả SXKD thuyết phục là sự tận tâm đầy nhiệt huyết, cùng với năng lực, kinh nghiệm trong quản lý điều hành của Ban Tổng giám đốc đã bám sát chủ trương của HĐQT, triển khai thực hiện

quyết liệt nhưng cẩn trọng chắc chắn, để Công ty tiếp tục hoàn thành nhiệm vụ của Đại hội cổ đông giao.

Tổng giám đốc có phân công nhiệm vụ rõ ràng cho các Phó Tổng giám đốc và định kỳ hàng tuần tổ chức họp để đánh giá kết quả thực hiện công việc tuần và giao kế hoạch công việc kỳ tới.

Hệ thống báo cáo tài chính quý, năm được lập và công bố phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định của pháp luật hiện hành. Công ty không để xảy ra các gian lận và không có ghi nhận bất thường đối với giao dịch bên liên quan.

Tổng Giám đốc và Ban Điều hành đã duy trì một hệ thống khung lương thưởng công bằng, hợp lý, cạnh tranh và có tính đến phát triển bền vững. Có kế hoạch đào tạo nhân sự kế thừa cho các vị trí cấp cao, cấp trung đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong nhiệm kỳ IV và những năm tiếp theo.

Chính vì vậy, HĐQT tin tưởng với bản lĩnh, kinh nghiệm và sự kiên trì đầy tâm huyết của Tổng giám đốc cùng Ban điều hành sẽ triển khai thực hiện các quyết sách của HĐQT đạt hiệu quả cao góp phần gia tăng sự ổn định trong hoạt động sản xuất, phát triển thị trường trong nước và từng bước chinh phục các thị trường khó tính trong bối cảnh ngày càng hội nhập sâu rộng hơn.

3. Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị

a) Các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh 2019

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2019
1	Tổng Doanh thu	Triệu đồng	1.035.000
2	Sản lượng sản xuất	Tấn	15.600
3	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	14.100
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	57.000

b) Các kế hoạch định hướng của Hội đồng quản trị

– Khai thác, vận hành hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2015 và HACCP một cách có hiệu quả, kết hợp với việc đầu tư cải tiến kỹ thuật nhằm tiết giảm chi phí sản xuất, đảm bảo nâng cao chất lượng sản phẩm, giữ vững uy tín thương hiệu;

– Nghiên cứu phát triển thêm sản phẩm mới, đa dạng hóa sản phẩm, cải tiến mẫu mã bao bì để đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng;

– Tiếp tục mở rộng thị trường tiêu thụ nội địa và xuất khẩu. Giữ vững khách hàng truyền thống, xuất khẩu. Tập trung tham gia các Hội chợ thương mại lớn ở một số nước để tìm thêm các khách hàng mới và quảng bá thương hiệu Safoco ra thị trường nước ngoài để tăng thêm sản lượng;

– Phát huy hiệu quả hoạt động của Chi nhánh công ty tại Hà Nội nhằm quảng bá thương hiệu và phát triển mạng lưới tiêu thụ. Đồng thời tăng cường khai thác thêm khách hàng, quay nhanh nguồn vốn, gia tăng doanh số, giảm chi phí, nâng cao hiệu quả của hoạt động kinh doanh nhà hàng ăn uống, mua bán tổng hợp;

– Tuyển dụng nhân sự đủ về lượng, đạt về chất nhằm phù hợp với sự phát triển của công ty, kết hợp với nghiên cứu, thực hiện các chính sách đãi ngộ để giữ hoặc thu hút lao động giỏi. Đồng thời, lựa chọn nhân sự có năng lực, phẩm chất đạo đức tốt để đưa vào quy hoạch đội ngũ lãnh đạo kế thừa;

– Đào tạo mới, đào tạo chuyên sâu chuyên nghiệp về chuyên môn, kỹ thuật, quản lý và kỹ năng tay nghề cho người lao động.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

– Danh sách TV.HĐQT và tỷ lệ sở hữu cổ phần tại ngày 31/12/2018:

Stt	Họ tên & Chức vụ	Tổng số cổ phần			Tỷ lệ (%)
		Sở hữu	ĐD sở hữu	Tổng cộng	
1	Ông Trần Hoàng Thao - Chủ tịch HĐQT	6.141	1.583.630	1.589.771	20,08
2	Bà Phạm Thị Thu Hồng - TV.HĐQT	850.513		850.513	10,74
3	Ông Nguyễn Văn Hưng - TV.HĐQT		791.815	791.815	10,00
4	Ông Nguyễn Công Minh Khoa - TV.HĐQT	28.125	894.592	922.717	11,65
5	Ông Nguyễn Văn Sang - TV.HĐQT		1.876.549	1.876.549	23,70

Ghi chú:

♦ Ông Trần Hoàng Thao, Ông Nguyễn Văn Hưng, Ông Nguyễn Công Minh Khoa là đại diện sở hữu của Tổng công ty Lương thực miền Bắc – Công ty Cổ phần.

♦ Ông Nguyễn Văn Sang là đại diện sở hữu của Công ty CP Đầu tư Thương mại Hoa Sen.

– Chức danh TV.HĐQT của Công ty tại các doanh nghiệp khác:

Ông I guyễn Văn Sang đang là Chủ tịch HĐQT của 04 doanh nghiệp: Công ty CP Dược Cửu Long, Công ty CP nước khoáng Khánh Hòa, Công ty CP Tập đoàn FIT, Công ty CP Thương Mại Dũng Tâm.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

HĐQT Công ty đã triển khai các hoạt động theo đúng quy định của Điều lệ công ty và các văn bản pháp luật hiện hành.

I ăm 2018, HĐQT đã thực hiện 04 phiên họp thường kỳ và 02 phiên họp bằng văn bản để xem xét, quyết định thuộc thẩm quyền của HĐQT, với sự mở rộng tham gia dự họp của các thành viên BKS. Trong năm, HĐQT công ty thường xuyên giám sát hoạt động SXKD của Công ty và công tác điều hành của Ban Tổng giám đốc. Đồng thời, HĐQT lắng nghe đóng góp ý kiến của BKS với Ban TGD về hoạt động điều hành để thực hiện nhiệm vụ do ĐHCĐ đề ra.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Tổng giám đốc và Ban điều hành được thêm phần thuận lợi là Chủ tịch HĐQT chuyên trách nên thường xuyên tham dự các cuộc họp của Công ty, các Hội nghị,... Từ đó, có cơ sở đánh giá công tác điều hành qua việc tuân thủ quy định nhà nước, Điều lệ Công ty và I ghi quyết của HĐQT đối với tình hình SXKD cùng công tác quản trị.

Trong năm, Hội đồng quản trị đã thảo luận và quyết định một số vấn đề quan trọng liên quan đến hoạt động của công ty giúp cho Ban Tổng giám đốc quản trị rất tốt từ khâu sản xuất đến khâu tiêu thụ; hoàn thiện, củng cố bộ máy tổ chức nhân sự nhằm tăng cường đội ngũ cán bộ có năng lực, đáp ứng yêu cầu phát triển Công ty; nghiên cứu cải tiến quy trình công nghệ và thiết kế chế tạo các dây chuyền thiết bị đáp ứng nhu cầu sản xuất, gắn liền với xây dựng đội ngũ, năng lực sáng tạo của lãnh đạo Công ty, ... tạo tiền đề cho công ty phát triển bền vững.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành

Tham dự đầy đủ các cuộc họp HĐQT, tham gia ý kiến đóng góp cho các vấn đề khi đưa ra thảo luận.

đ) Hoạt động của các tiểu ban trong HĐQT: Không có

e) Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty:
Không có

g) Danh sách các thành viên HĐQT tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm.

1- Ông Trần Hoàng Thao – Chủ tịch HĐQT

2- Bà Phạm Thị Thu Hồng – TV.HĐQT, Tổng giám đốc

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

Stt	Họ tên & Chức vụ	Tổng số cổ phần			Tỷ lệ (%)
		Sở hữu	ĐD sở hữu	Tổng cộng	
1	Ông I guyễn Trương I guyễn - Trưởng BKS	0	0	0	0
2	Ông Trần Hoàng I gân - Thành viên BKS		791.815	791.815	10%
3	Ông Đặng Minh I am - Thành viên BKS	0	0	0	0

Ghi chú:

- Ông Trần Hoàng I gân là đại diện sở hữu của Tổng công ty Lương thực miền I am – Công ty Cổ phần.

b) Hoạt động của Ban Kiểm soát

– Tổ chức các cuộc họp:

+ Trong năm 2018, Ban kiểm soát đã tổ chức 04 cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của các thành viên để đánh giá kết quả công việc đã thực hiện trong quý, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.

+ I goài ra, Ban Kiểm soát đã được mời tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và Ban Tổng giám đốc; tham gia thảo luận tại các cuộc họp của HĐQT và các cuộc họp, làm việc khác của công ty. BKS đưa ra những phân tích, đánh giá và khuyến nghị trách nhiệm với Công ty. Tổng Giám đốc tạo điều kiện cho BKS nắm bắt, tìm hiểu thông tin trong hoạt động SXKD.

+ Ban điều hành đã bố trí nhân sự, điều kiện làm việc thuận lợi; cung cấp các báo cáo, thông tin đầy đủ, rõ ràng để BKS hoàn thành nhiệm vụ của mình.

+ Các giải pháp đề xuất nâng cao hiệu quả quản lý, phòng ngừa rủi ro BKS đưa ra được Ban điều hành ghi nhận.

+ Tất cả HĐQT, BKS và Tổng giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, Cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định của Quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

– Công tác giám sát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc

- Kiểm tra, giám sát hàng quý trên cơ sở báo cáo thực hiện công tác SXKD, đầu tư XDCCB của Công ty.

- Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công ty; các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty bất cứ khi nào nếu xét thấy cần thiết. Hoặc theo quyết định

của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều lệ Công ty.

- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD, tình hình tài chính; Kiểm tra, giám sát việc tuân thủ các nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2018, Điều lệ công ty, Pháp luật Việt Nam và các Quy chế nội bộ của HĐQT và Ban điều hành Công ty.

- Thẩm định, kiểm tra báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo tài chính các quý, Báo cáo soát xét 6 tháng đầu năm và Báo cáo kiểm toán năm 2018, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn.

- Đề xuất và kiến nghị ĐHĐCĐ phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty. Thảo luận với kiểm toán viên của tổ chức kiểm toán độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu thực hiện việc kiểm toán;

- Phương thức giám sát

Hoạt động giám sát của BKS được thực hiện bằng phương thức: giám sát “trực tiếp – gián tiếp và trước – trong – sau”. Do đặc thù của Safoco nên BKS tập trung việc giám sát trước và giám sát trong nhằm phát hiện kịp thời các rủi ro về tài chính, hạn chế trong quản lý tài chính của doanh nghiệp và có cảnh báo, giải pháp xử lý trực tiếp với trong việc quản lý và điều hành công ty.

- Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý và cổ đông.

- Trong năm 2018, giữa BKS với HĐQT, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã luôn phối hợp chặt chẽ trên nguyên tắc vì lợi ích của Công ty, của cổ đông và tuân thủ đầy đủ các quy định của Quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.

- BKS cũng không nhận được đơn thư yêu cầu hoặc khiếu nại nào của cổ đông trong năm 2018. BKS cũng thường xuyên giám sát việc thực hiện công bố thông tin của Công ty nhằm đảm bảo thông tin đến cổ đông một cách đầy đủ, chính xác, kịp thời.

- BKS luôn nhận được sự hỗ trợ tích cực từ HĐQT, Ban Tổng giám đốc, các phòng ban, chi nhánh để phục vụ cho công tác kiểm tra, giám sát của BKS như:

+ Ban Tổng giám đốc đã tạo điều kiện bố trí nhân sự và đầu mối cung cấp đầy đủ thông tin trong quá trình BKS thực hiện nhiệm vụ kiểm tra tại các Phòng ban và các quyết định của HĐQT, Ban điều hành.

+ Định kỳ, BKS đều có những báo cáo và kiến nghị bằng văn bản gửi tới HĐQT và BTGD. Mọi kiến nghị của BKS đều được ghi nhận và triển khai thực hiện.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

– Hội đồng quản trị:

DVT: 1.000 đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương, thưởng	Ghi chú
1	Ông Trần Hoàng Thao	CT.HĐQT	Là CT.HĐQT chuyên trách nên có tiền lương nhưng không hưởng thù lao.	874.920	
2	Bà Phạm Thị Thu Hồng	TV.HĐQT	90.000		
3	Ông Huỳnh Anh Minh	TV.HĐQT	22.500		Thôi là TV. HĐQT từ tháng 04/2018
4	Ông I guyễn Văn Hưng	TV.HĐQT	67.500		Giữ chức vụ TV. HĐQT từ tháng 04/2018
5	Ông I guyễn Công Minh Khoa	TV.HĐQT	90.000		
6	Ông I guyễn Văn Sang	TV.HĐQT	90.000		

– Ban Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

DVT: 1.000 đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Lương, thưởng	Ghi chú
1	Bà Phạm Thị Thu Hồng	Tổng giám đốc	1.160.440	
2	Ông I guyễn Tuấn Bao	Phó Tổng GD	763.310	
3	Ông Huỳnh Anh Minh	Phó Tổng GD	14.515	Xin nghỉ việc từ ngày 14/02/2018
4	Ông I guyễn Công Minh Khoa	Phó Tổng GD	792.429	
5	Bà I guyễn Thị I ga	Kế toán trưởng	635.019	

– Ban kiểm soát

ĐVT: 1.000 đồng

Stt	Họ và tên	Chức vụ	Thù lao	Lương, thưởng	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Trương Nguyễn	Trưởng BKS	Là Trưởng BKS chuyên trách nên có tiền lương nhưng không hưởng thù lao	410.228	
2	Ông Trần Hoàng Ngân	TV.BKS	81.000		
3	Ông Đặng Minh Tâm	TV.BKS	58.500		
4	Bà Phạm Thanh Loan	TV.BKS	16.500		Thôi là TV. BKS từ tháng 04/2018
5	Ông Hồ Sỹ Thọ	TV.BKS	16.500		Thôi là TV. BKS từ tháng 04/2018

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

(HDQT, BKS, Ban TGD, KTT, Thư ký công ty, Cổ đông lớn, và những người liên quan đến các đối tượng này): không có.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: không có**d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty**

Việc quản trị Công ty được thực hiện tuân thủ theo các quy định của Luật doanh nghiệp và các quy định hiện hành.

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán



Số: 150119 001 /BCTC.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco được lập ngày 12 tháng 01 năm 2019, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Lương thực thực phẩm Safoco tại ngày 31 tháng 12 năm 2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC

CHI NHÁNH
CÔNG TY TNHH
HÃNG KIỂM TOÁN
AASC

Ngô Minh Quý

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2434-2018-002-1

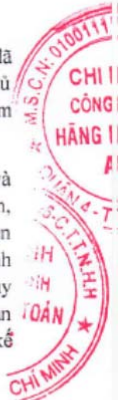
Tp. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2019

Trần Trung Hiếu

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 2202-2018-002-1



2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Xem Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2018 tại website của Công ty:
www.safocofood.com

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 02 năm 2019
Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty



Phạm Thị Thu Hồng
Phạm Thị Thu Hồng